

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Trần Thanh Tú	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Bùi Tất Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Nguyễn Thế Huân	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)
Ông Nguyễn Văn Nam	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/07/2016)
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/07/2016)
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/07/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Duy Tân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Số: 120 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/03/2017 từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện tính giá thành của thành phẩm nhập kho theo thực tế chi phí phát sinh, đơn giá thành phẩm nhập kho được xác định theo giá tạm tính, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến tập hợp chi phí và tính giá thành thành phẩm nhập kho. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Như thuyết minh tại Thuyết minh số 07 và 08, tại ngày 31/12/2016, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, và cũng không có xác nhận đối chiếu số dư công nợ. Công ty đã trích lập dự phòng 2.500.000.000 đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá mức trích lập dự phòng cũng như khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu này.

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2016, Công ty có một số vật tư chậm luân chuyển và thành phẩm bị bong hỏng, với giá trị khoảng 1,3 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính 2016 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như thuyết minh tại Thuyết minh số 30, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, việc phê duyệt quyết toán tài chính và các hồ sơ liên quan đến việc bàn giao giữa hai công ty là Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình và Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình vẫn chưa được thực hiện. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/07/2016 của Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ phương pháp tính giá thành.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.975.231.282	123.162.047.931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.033.684.732	31.291.833.476
1. Tiền	111	5	3.033.684.732	31.291.833.476
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	9.000.000.000	7.740.845.320
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	7.740.845.320
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.496.933.632	42.862.471.139
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.557.299.518	41.511.817.991
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.063.362.314	939.509.510
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		376.271.800	411.143.638
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.500.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	46.481.473.240	38.015.107.105
1. Hàng tồn kho	141		46.481.473.240	38.015.107.105
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.963.139.678	3.251.790.891
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	430.180.797	287.004.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.193.706.414	2.746.244.160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	339.252.467	218.542.569
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.214.321.363	95.135.406.014
I. Tài sản cố định	220		84.949.458.753	86.346.135.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	84.949.458.753	86.346.135.071
- Nguyên giá	222		179.503.188.520	179.071.370.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.553.729.767)	(92.725.235.267)
II. Tài sản dài hạn khác	260		8.264.862.610	8.789.270.943
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.264.862.610	8.789.270.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		185.189.552.645	218.297.453.945

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.351.119.345	123.916.018.920
I. Nợ ngắn hạn	310		90.351.119.345	123.916.018.920
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	30.765.369.896	36.828.794.621
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		925.285.754	1.539.258.648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	104.661.681	914.696.575
4. Phải trả người lao động	314		6.451.580.900	4.299.920.120
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.000.000	759.012.026
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	13.226.925.741	38.012.718.270
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	37.577.369.306	40.118.316.593
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.259.926.067	1.443.302.067
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.838.433.300	94.381.435.025
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	94.496.311.232	94.036.409.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.000.000.000	93.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.000.000.000	93.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		357.141.706	357.141.706
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		679.268.131	679.268.131
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		459.901.395	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		459.901.395	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		342.122.068	345.025.188
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		342.122.068	345.025.188
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		185.189.552.645	218.297.453.945

Nguyễn Duy Tân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		125.950.204.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	125.950.204.506
4. Giá vốn hàng bán	11	19	102.879.176.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.071.027.737
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	613.905.858
7. Chi phí tài chính	22	22	1.398.952.972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		922.878.400
8. Chi phí bán hàng	25	23	4.742.492.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	17.191.510.034
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		351.978.403
11. Thu nhập khác	31		96.426.414
12. Chi phí khác	32		6.403.054
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		90.023.360
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		442.001.763
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	(17.899.632)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		459.901.395
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	49,45

Nguyễn Duy Tân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 19/07/2016 đến ngày 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	442.001.763
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.825.591.380
- Các khoản dự phòng	03	2.500.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	300.554.894
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(286.212.407)
- Chi phí lãi vay	06	922.878.400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.704.814.030
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.482.263.539
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.466.366.135)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(30.720.382.235)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	381.231.698
- Tiền lãi vay đã trả	14	(922.878.400)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(668.952.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.210.269.596)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(431.818.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.740.845.320
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	181.664.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.509.308.455)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	79.894.773.056
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(82.435.720.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.540.947.287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(28.260.525.338)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.291.833.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.376.594
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.033.684.732

Nguyễn Duy Tân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Tên cũ là Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Ngày 19/07/2016 chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0100100939 ngày 01/09/2005 và thay đổi lần thứ 4 ngày 19/07/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 93.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại Hà Nội ngày 31/12/2016 là 857 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Công ty

Công ty có 2 chi nhánh bao gồm:

- Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại Sầm Sơn - Thanh Hóa. Địa chỉ: Số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 19/07/2016 (ngày thành lập chuyển đổi sang công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	08

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí làm nhà mẩu và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

Chi phí trả trước là giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nợ phải trả

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	205.331.820	87.136.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.828.352.912	31.204.696.661
	3.033.684.732	31.291.833.476

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đỗ Thị Hoà	6.042.076.599	6.042.076.599
Nguyễn Khánh Toàn	3.559.692.131	3.559.692.131
Công ty TNHH TM BHLĐ Giấy dép các loại	2.790.815.438	2.790.815.438
Royer Licences	2.650.174.723	-
Nippon Steel and Sumikin Bussan Corporation	976.349.532	14.862.236.924
Công ty CP Thanh Bắc -Thái Bình Dương	2.044.678.084	2.866.697.511
Các đối tượng khác (i)	11.493.513.011	11.390.299.388
	29.557.299.518	41.511.817.991

Ghi chú:

- (i) Trong các đối tượng khác có một số đối tượng công nợ đã phát sinh công nợ từ lâu, Công ty chưa đánh giá trích lập dự phòng bởi vẫn còn giao dịch trong năm.

8. NỢ XẤU

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đỗ Thị Hoà (i)	6.042.076.599	-	6.042.076.599	-
Nguyễn Khánh Toàn (i)	3.559.692.131	-	3.559.692.131	-
Công ty TNHH TM BHLĐ	2.790.815.438	-	2.790.815.438	-
Giấy dép các loại (i)				
NEXT PLC	827.449.527	-	810.875.037	-
	13.220.033.695	-	13.203.459.205	-

Ghi chú:

- (i) Là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ Lao động Giấy dép các loại do bà Hòa là Giám đốc). Tổng số dư phải thu tại ngày 31/12/2016 của các khoản này là 12.392.584.168 đồng. Công ty vẫn đang đốc thúc để thu hồi khoản công nợ trên và có khả năng sẽ thu được một phần trong năm 2017.
- (ii) Tổng số dư công nợ quá hạn là 13.220.033.695 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2016, Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 2.500.000.000 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.591.531.972	-	15.571.160.315	-
Công cụ, dụng cụ	459.424.734	-	559.099.401	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.034.028.942	-	4.400.260.854	-
Thành phẩm	19.396.487.592	-	17.484.586.535	-
	46.481.473.240	-	38.015.107.105	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	146.616.886.477	28.840.198.846	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.071.370.338
Tăng trong năm	-	431.818.182	-	-	-	431.818.182
Số dư cuối năm	146.616.886.477	29.272.017.028	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.503.188.520
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	71.716.220.016	19.161.750.057	1.170.481.600	229.920.522	446.863.072	92.725.235.267
Khấu hao trong năm	1.330.898.195	419.392.315	72.954.400	2.346.470	2.903.120	1.828.494.500
Số dư cuối năm	73.047.118.211	19.581.142.372	1.243.436.000	232.266.992	449.766.192	94.553.729.767
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	74.900.666.461	9.678.448.789	1.749.749.155	-366.262	17.636.928	86.346.135.071
Số dư cuối năm	73.569.768.266	9.690.874.656,00	1.676.794.755	-2.712.732	14.733.808	84.949.458.753

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 là 12.496.269.113 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	430.180.797	287.004.162
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	430.180.797	287.004.162
b) Dài hạn	8.264.862.610	8.789.270.943
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.043.480.984	6.209.601.962
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.221.381.626	2.579.668.981

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Cty TNHH TMDV Dệt may Thanh Tùng	3.275.244.940	3.275.244.940	3.381.087.243	3.381.087.243
Công ty Lợi Thành	2.233.858.577	2.233.858.577	2.886.965.191	2.886.965.191
Cty TNHH NPL Da giày Phương Nam	2.186.532.236	2.186.532.236	2.066.760.658	2.066.760.658
Vũ Thị Nga	2.099.389.835	2.099.389.835	2.249.389.835	2.249.389.835
HTX CN Trường Sơn	1.973.477.000	1.973.477.000	3.912.462.600	3.912.462.600
Đối tượng khác	18.996.867.308	18.996.867.308	22.332.129.094	22.332.129.094
	30.765.369.896	30.765.369.896	36.828.794.621	36.828.794.621

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	76.924.684	692.076.328	682.561.666	86.439.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566.141.827	(17.899.632)	668.952.093	(120.709.898)
Thuế thu nhập cá nhân	12.183.700	22.422.020	16.383.385	18.222.335
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	257.847.250	1.954.661.431	2.212.508.681	-
Các loại thuế khác	1.599.114	-	1.599.114	-
Cộng	914.696.575	2.651.260.147	3.582.004.939	104.661.681
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	215.930.351	-	-	215.930.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.218	-	-	2.612.218
	218.542.569	-	-	339.252.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.314.947.173	1.303.939.415
Bảo hiểm trích theo lương	1.404.289.579	425.588.668
Phải trả về cổ phần hóa	485.211.784	26.159.958.962
Phải trả khác	10.022.477.205	10.123.231.225
- Phải trả khoản nhận ứng trước hợp đồng (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả đối tượng khác	22.477.205	123.231.225
	13.226.925.741	38.012.718.270

Ghi chú:

- (i) Khoản nhận ứng trước của các công ty tham gia hợp tác đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ (Trình bày lại)		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	40.118.316.593	40.118.316.593	79.894.773.056	82.435.720.343	37.577.369.306	37.577.369.306
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - USD (i)	30.233.201.968	30.233.201.968	65.984.282.684	63.833.028.126	32.384.456.526	32.384.456.526
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (i)	9.763.974.375	9.763.974.375	13.910.490.372	18.481.551.967	5.192.912.780	5.192.912.780
Nợ dài hạn đến hạn trả	121.140.250	121.140.250	-	121.140.250	-	-

Ghi chú: (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 02/16/HN/51465 ngày 15/9/2016. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Đồng tiền cho vay mỗi khoản nợ là đồng Việt Nam và/hoặc đô la Mỹ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Trường hợp bên vay được ưu đãi lãi suất và bị chuyển nợ nhóm 2, bên cho vay áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của bên cho vay cho toàn bộ thời gian giải ngân thực tế. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 130% lãi suất cho vay thông thường. Hình thức giải ngân vốn vay bằng chuyển khoản, tiền mặt. Lãi vay vốn trong hạn bằng dư nợ gốc thực tế nhân số ngày vay thực tế nhân lãi suất cho vay trong hạn chia cho 360 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại Khu công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	93.000.000.000	357.141.706	679.268.131	-	94.036.409.837
Lãi trong kỳ	-	-	-	459.901.395	459.901.395
Số dư cuối kỳ	93.000.000.000	357.141.706	679.268.131	459.901.395	94.496.311.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

	Vốn đã góp			
	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
UBND thành phố Hà Nội	63.858.670.000	68,67%	63.858.670.000	68,67%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình	9.300.000.000	10,00%	9.300.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	19.841.330.000	21%	19.841.330.000	21%
Cộng	93.000.000.000	100%	93.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

Từ ngày 19/07/2016
đến ngày 31/12/2016

VND

Cổ phiếu phổ thông	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.300.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.300.000
+ Mệnh giá cổ phiếu	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội (i)	9.135.300.000	9.135.300.000

Ghi chú: (i) Chi tiết Thuyết minh số 28 - Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ các loại

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	USD	USD
Đô la Mỹ	26.804,88	95.495,67

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Từ ngày 19/07/2016
đến ngày 31/12/2016

VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.950.204.506
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.950.204.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 19/07/2016
	đến ngày 31/12/2016
	VND
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	102.879.176.769
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.879.176.769

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 19/07/2016
	đến ngày 31/12/2016
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.324.222.598
Chi phí nhân công	36.906.009.530
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.825.591.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.451.274.816
Chi phí khác bằng tiền	1.954.661.431
	118.461.759.755

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 19/07/2016
	đến ngày 31/12/2016
	VND
Lãi tiền gửi	206.324.208
Chênh lệch tỷ giá	327.693.451
Lãi cổ tức	79.888.199
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.905.858

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 19/07/2016
	đến ngày 31/12/2016
	VND
Chênh lệch tỷ giá	476.074.572
Lãi vay	922.878.400
	1.398.952.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 19/07/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u>
	VND
Chi phí bán hàng	
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	271.920.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.470.571.985
	<u>4.742.492.186</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân công	9.325.551.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	400.873.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.010.422.767
Chi phí khác bằng tiền	1.954.661.431
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.500.000.000
	<u>17.191.510.034</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ ngày 19/07/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u>
	VND
Lợi nhuận trước thuế	442.001.763
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(528.846.596)
Chuyển lỗ của Nhà máy Hà Nam	(372.634.673)
Thu lãi cổ tức	(79.888.199)
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải thu	(82.726.778)
Chi phí không được khấu trừ	6.403.054
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%
Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp của kỳ trước (i)	(17.899.632)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>(17.899.632)</u>

Ghi chú: (i) Điều chỉnh giảm thuế TNDN do Công ty vẫn quyết toán thuế TNDN cho cả năm 2016.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 19/07/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u>
	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	459.901.395
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	9.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	49,45
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000

Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTĐ ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 01/01/2036.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	37.577.369.306	40.118.316.593
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.033.684.732)	(31.291.833.476)
Nợ thuần	34.543.684.574	8.826.483.117
Vốn chủ sở hữu	94.496.851.082	94.036.409.837
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	36,6%	9,4%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.033.684.732	31.291.833.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.433.571.318	41.922.961.629
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.000.000.000	7.740.845.320
Các khoản ký quỹ	45.641.158	-
Tổng cộng	39.512.897.208	80.955.640.425
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	37.577.369.306	40.118.316.593
Phải trả người bán và phải trả khác	43.992.295.637	74.841.512.891
Tổng cộng	81.569.664.943	114.959.829.484

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.033.684.732	-	3.033.684.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.433.571.318	-	27.433.571.318
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Các khoản ký quỹ	45.641.158	-	45.641.158
Tổng cộng	39.512.897.208	-	39.512.897.208
Tại ngày cuối kỳ			
Các khoản vay	37.577.369.306	-	37.577.369.306
Phải trả người bán và phải trả khác	43.992.295.637	-	43.992.295.637
Tổng cộng	81.569.664.943	-	81.569.664.943
Chênh lệch thanh khoản thuần	(42.056.767.735)	-	(42.056.767.735)
Tại ngày đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.291.833.476	-	31.291.833.476
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.922.961.629	-	41.922.961.629
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.740.845.320	-	7.740.845.320
Tổng cộng	80.955.640.425	-	80.955.640.425
Tại ngày đầu kỳ			
Các khoản vay	40.118.316.593	-	40.118.316.593
Phải trả người bán và phải trả khác	74.841.512.891	-	74.841.512.891
Tổng cộng	114.959.829.484	-	114.959.829.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	(34.004.189.059)	-	(34.004.189.059)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị vốn góp của Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 9.135.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ. Theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình, Công ty loại trừ khoản đầu tư này ra khỏi giá trị định giá cổ phần hóa. Khoản đầu tư này được theo dõi trên khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán để thu hồi. Ngày 12/01/2017, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội. Theo Công văn số 907/UBND-KT ngày 26/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội, Công ty đã nộp về Sở Tài chính số tiền thu thoái vốn sau khi trừ chi phí còn lại là 9.845.654.837 đồng.

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Từ ngày 19/07/2016

đến ngày 31/12/2016

VND

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và HĐQT

652.800.000

30. THÔNG TIN KHÁC

Việc phê duyệt quyết toán tài chính và các hồ sơ liên quan đến việc bàn giao giữa hai công ty là Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình và Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình vẫn chưa được thực hiện. Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính này có thể thay đổi hay không sẽ tùy thuộc vào phê duyệt quyết toán tài chính của cơ quan có thẩm quyền cũng như việc ký bàn giao số liệu tài chính giữa công ty TNHH MTV và công ty cổ phần.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/07/2016 của Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (i)	905.101.872	9.594.703	914.696.575
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.450.018.365	(6.716.298)	1.443.302.067
Vốn khác của chủ sở hữu (i)	682.146.536	(2.878.405)	679.268.131
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (ii)	39.997.176.343	121.140.250	40.118.316.593
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	121.140.250	(121.140.250)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh theo Quyết định số 76227/QĐ-CT-KTT3 ngày 12/12/2016 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc truy thu thuế, xử lý vi phạm hành chính về thuế (kiểm tra đến ngày 18/07/2016).
- (ii) Phân loại lại khoản vay dài hạn đến hạn trả sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Nguyễn Duy Tân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Trịnh Thị Thúy Mai
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai
Người lập biểu